Tự Điển Phật học Việt-Anh Tuệ Quang (Thiện Phúc; Nguyên Tánh thêm chữ Hán & hình) - Ne

Tự Điển Phật học Việt-Anh Tuệ Quang (Thiện Phúc; Nguyên Tánh thêm chữ Hán & hình)

Nê Lý Để,, Nirrti (skt)—Một trong các vua La Sát—One of the raksa-kings

Nê Nhân,, Kẻ tội đồ trong chốn địa ngục—A sufferer in niraya, or hell

Nê Tháp,, Theo tục Ấn Độ, nghiền hương thành bột, trộn đặc lại như bùn, để làm tháp nhỏ cao chừng năm sáu tấc, để kinh điển bên trong mà cúng dường. Mật Giáo dùng pháp cúng dường "Nê Tháp" nầy để cầu kéo dài tuổi thọ và dứt bỏ mọi tỗi lỗi khổ đau—Paste pagoda; a mediaeval Indian custom was to make a small pagoda five or six inches high of incense, place scriptures in and make offerings to it. The esoterics adopted the custom, and worshipped for the purpose of prolonging life and ridding themselves of sins, or sufferings.

Nê Tố Mộc Điêu,, Những bức tượng (bằng đất thì nắn, bằng gỗ thì chạm trổ)—Modelled clay and carved wood, images

Nê Vi Trần: Mritparamanu (skt)—Bụi đất—Clay-atom—Trong Kinh Lăng Già, Đức Phật dạy: "Một khối đất sét thì không khác, cũng không phải không khác với các hạt bụi hay nguyên tử của nó—In the Lankavatara Sutra, the Buddha taught: "A lump of clay is neither different nor

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.